

Số: 1097 /QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 05 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuẩn y danh sách sinh viên các đối tượng chế độ chính sách Trợ cấp xã hội
Học kỳ II, năm học 2023 - 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ hồ sơ của sinh viên, đề nghị của các khoa đào tạo về việc xét cấp trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2023-2024 đối với sinh viên và Biên bản của Hội đồng xét chế độ chính sách đối với sinh viên họp ngày 29/3/2024;

Xét đề nghị của Trường phòng Giáo dục Chính trị và Công tác HSSV; Trường phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuẩn y danh sách sinh viên các đối tượng chế độ chính sách được Trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2023-2024 đối với 375 sinh viên (Có danh sách kèm theo).

Trong đó: - 49 sinh viên thuộc đối tượng con mồ côi, hộ nghèo, khuyết tật (mức cấp 100.000đ/tháng).

- 326 sinh viên thuộc đối tượng là người dân tộc ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn(mức cấp 140.000đ/tháng).

Điều 2. Trợ cấp xã hội được cấp từ tháng 01/2024 đến hết tháng 8/2024 (08 tháng) đối với 375 sinh viên.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.GDCT&CTHSSV, P.KHTC

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đậu Bá Thìn

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2023-2024

(Ban hành kèm theo QĐ số: 1097/QĐ-ĐHHD, ngày 05 / 4 / 2024 của Hiệu trưởng)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
1	2062010007	Nguyễn Thị Phức	K23 ĐHSP Hóa	KHTN	Hộ nghèo	100.000
2	216101CLC06	Hà Thị Thu Huệ	K24 ĐHSP Toán CLC	KHTN	DT, Vùng ĐBKK	140.000
3	216101CLC13	Lê Thúy Thanh	K24 ĐHSP Toán CLC	KHTN	DT, Vùng ĐBKK	140.000
4	226101CLC05	Hoàng Thị Ngọc Ánh	K25 ĐHSP Toán CLC	KHTN	DT, Vùng ĐBKK	140.000
5	2161010047	Nguyễn Thị Trang	K24 ĐHSP Toán	KHTN	DT, Vùng ĐBKK	140.000
6	2261010045	Nguyễn Thị Sáu	K25 ĐHSP Toán	KHTN	Hộ nghèo	100.000
7	2362040006	Hà Thị Tuyết Nhi	K26 KHTN	KHTN	DT, Vùng ĐBKK	140.000
8	2066030007	Hà Xuân Mai	K23 ĐHSP Địa lí	KHXXH	DT, Vùng Cao	140.000
9	2066030010	Tào Đỗ Phương Nhâm	K23 ĐHSP Địa lí	KHXXH	Hộ nghèo	100.000
10	206601CLC03	Ngân Thị Huệ	K23 ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	DT, Vùng Cao	140.000
11	206601CLC09	Vi Thị Sáng	K23 ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	DT, Vùng Cao	140.000
12	206601CLC14	Hà Thị Trang	K23 ĐHSP Ngữ Văn CLC	KHXXH	DT, Vùng ĐBKK	140.000
13	2069080011	Phạm Thị Ngọc Ánh	K23 ĐH Du lịch	KHXXH	DT, Vùng Cao	140.000
14	2166010023	Hà Linh Nhi	K24 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	DT, Vùng Cao	140.000
15	2166010011	Lương Thị Diệu Linh	K24 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	DT, Vùng Cao	140.000
16	216601CLC08	Lê Thùy Linh	K24 ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	DT, Vùng ĐBKK	140.000
17	216601CLC10	Phạm Thị Thanh Nhân	K24 ĐHSP Ngữ Văn CLC	KHXXH	DT, Vùng Cao	140.000
18	216602CLC01	Hà Văn Cường	K24 ĐHSP Lịch sử CLC	KHXXH	DT, Vùng ĐBKK	140.000
19	216602CLC06	Trương Thị Lệ Khuyến	K24 ĐHSP Lịch sử CLC	KHXXH	DT, Vùng Cao	140.000
20	216602CLC07	Cầm Thị Loan	K24 ĐHSP Lịch sử CLC	KHXXH	DT, Vùng Cao	140.000
21	2166030012	Lộc Minh Khoa	K24 ĐHSP Địa lí	KHXXH	DT, Vùng Cao	140.000
22	2169080017	Vi Thị Mùi	K24 ĐHSP Du lịch	KHXXH	DT, Vùng Cao	140.000
23	2266010022	Nguyễn Thị Huệ	K25 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	Hộ nghèo	100.000
24	2266010027	Hà Thị Phương Linh	K25 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	DT, Vùng Cao	140.000
25	226601CLC03	Quách Thị Mai Chi	K25 ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	DT, Vùng ĐBKK	140.000
26	226601CLC08	Phạm Thuỳ Linh	K25 ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	DT, Vùng ĐBKK	140.000
27	226602CLC07	Hà Thị Hồng	K25 ĐHSP Lịch sử CLC	KHXXH	DT, Vùng ĐBKK	140.000
28	2369080014	Phạm Hoàng An	K26 ĐH Du lịch	KHXXH	DT, Vùng ĐBKK	140.000
29	2369080012	Lò Thị Diệp	K26 ĐH Du lịch	KHXXH	DT, Vùng ĐBKK	140.000
30	2369080006	Ngân Thị Mây	K26 ĐH Du lịch	KHXXH	DT, Vùng ĐBKK	140.000
31	2067020044	Hà Thanh Hiền	K23BĐHNN Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140.000
32	2167010171	Hà Thị Kim Anh	K24A ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140.000
33	2167010016	Bùi Thị Duyên	K24A ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140.000
34	2167010023	Phạm Thị Thu Hiền	K24A ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140.000
35	2167010035	Phạm Hà Huyền My	K24A ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140.000
36	21670100028	Đinh Thị Hà Linh	K24A ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140.000
37	2167010074	Hoàng Thị Hằng	K24B ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	Con mồ côi	100.000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
38	2167010085	Bùi Mai Linh	K24B ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140,000
39	2167010088	Nguyễn Thị Mai	K24B ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140,000
40	2167010089	Lò Văn Minh	K24B ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140,000
41	2167010104	Phạm Đức Thành	K24B ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140,000
42	2167010101	Đinh Văn Tám	K24B ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	100,000
43	2167010173	Bùi Hà Anh	K24C ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140,000
44	2167010009	Cao Thị Kim Chi	K24C ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140,000
45	2167010156	Trương Thị Quỳnh	K24C ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140,000
46	2167020050	Trần Ngọc Yến	K24A ĐHNN Anh	Ngoại ngữ	Con mồ côi	100,000
47	2267010054	Đặng Thị Ngọc Huyền	K25B ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	100,000
48	2067020039	Cầm Bá Đại	K23B ĐHNN Anh	Ngoại ngữ	Con mồ côi	100,000
49	2267020083	Trịnh Mai Linh	K25C NN Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	100,000
50	2367020023	Cao Thùy Linh	K26A ĐHNN Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140,000
51	2367020160	Nguyễn Thị Hồng Yến	K26E ĐHNN Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	100,000
52	2367020141	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	K26E NN Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	100,000
53	2367020173	Hà Hoàng Em	K26F ĐH NN Anh	Ngoại ngữ	DT, Vùng Cao	140,000
54	2069000003	Đinh Thị Bé	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
55	2069000004	Thao Văn Cảnh	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
56	2069000006	Cao Thị Chúc	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
57	2069000014	Bùi Thị Hồng	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
58	2069000021	Hà Thảo Lê	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
59	2069000035	Cao Thị Nhung	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
60	2069000039	Nguyễn Như Quỳnh	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
61	1869000011	Bùi Thị Hiền	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
62	2069000059	Lữ Thị Ngọc Ánh	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
63	2069000064	Bùi Văn Dung	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
64	2069000071	Hà Thị Mai Hương	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
65	2069000072	Bùi Thị Khánh Huyền	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
66	2069000075	Phạm Thị Ngọc Huyền	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
67	2069000084	Lương Thị Ngọc Mai	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
68	2069000089	Cao Thị Quỳnh Như	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
69	2069000090	Lương Thị Mai Phương	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
70	2069000097	Trương Thị Thu	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
71	2069000104	Cao Thị Thủy Tuyên	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
72	2069000105	Quách Thu Uyên	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
73	2069000340	Hà Thị Hồng	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
74	2069000116	Nguyễn Thị Đào	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	Hộ nghèo	100,000
75	2069000127	Hà Thanh Huyền	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
76	2069000128	Nguyễn Khánh Huyền	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
77	2069000155	Hà Hương Thủy	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
78	2069000156	Hà Thị Trâm	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
79	2069000157	Hoàng Huyền Trang	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
80	2069000160	Bùi Thanh Tuấn	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
81	2069000279	Hà Mỹ Duyên	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
82	2069000165	Lò Phương Anh	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
83	2069000173	Nguyễn Thị Hà	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
84	2069000175	Hà Thị Nguyệt Hằng	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
85	2069000183	Trương Thị Khánh Huyền	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
86	2069000188	Hà Thị Thu Linh	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
87	2069000192	Ngân Thị Khánh Ly	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
88	2069000193	Đinh Thiên Minh	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
89	2069000197	Lê Bá Long Nhật	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
90	2069000202	Lê Thị Như Quỳnh	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
91	2069000203	Trương Thị Tâm	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
92	2069000225	Trịnh Tiến Dĩnh	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
93	2069000232	Hà Tổng Nhật Hoa	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
94	2069000339	Phạm Lê Thu Hiền	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
95	2069000235	Lê Thị Huyền	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
96	2069000240	Cao Tuấn Kiệt	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
97	2069000241	Vi Thị Liên	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
98	2069000244	Phạm Hải Linh	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
99	2069000250	Vi Phương Nga	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
100	2069000263	Lò Thị Thủy	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
101	2069000284	Phan Mai Hoa	K23F ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
102	2069000291	Hà Thị Liên	K23F ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
103	2069000299	Phạm Trà My	K23F ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
104	2069000323	Hà Phương Uyên	K23F ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
105	2169000008	Vi Văn Đạt	K24A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
106	2169000015	Hà Thị Hằng	K24A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
107	2169000017	Lê Thị Hiền	K24A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
108	2169000029	Nguyễn Hà Ly	K24A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
109	2169000039	Phạm Nam Phong	K24A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
110	2169000042	Phạm Đỗ Quyên	K24A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
111	2169000044	Lộc Văn Tám	K24A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
112	2169000051	Lữ Văn Tình	K24A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
113	2169000056	Lê Thị Vân	K24A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
114	2169000083	Phạm Thị Khánh Huyền	K24B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
115	2169000101	Thao Văn Quân	K24B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
116	2169000102	Nguyễn Thị Sen	K24B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
117	2169000103	Trương Thị Thắm	K24B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
118	2169000104	Lương Xuân Thắng	K24B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
119	2169000107	Lê Huyền Thương	K24B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
120	2169000108	Hà Thị Thu Thủy	K24B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
121	2169000109	Lữ Minh Toại	K24B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
122	2169000115	Vi Thị Hương Việt	K24B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
123	2169000120	Lưu Đình Anh	K24C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
124	2169000123	Vi Thị Danh	K24C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
125	2169000129	Quách Thị Thu Hà	K24C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
126	2169000131	Lương Thị Hạnh	K24C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
127	2169000132	Hà Thị Hậu	K24C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
128	2169000136	Hà Trung Hoà	K24C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
129	2169000144	Cao Thế Lợi	K24C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
130	2169000147	Trương Công Nam	K24C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
131	2169000148	Hà Thị Ngân	K24C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
132	2169000153	Trương Hồng Nhung	K24C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
133	2169000177	Trịnh Quỳnh Anh	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
134	2169000178	Phạm Thị Anh	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
135	2169000180	Lương Kim Chi	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
136	2169000181	Tặng Thị Cói	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
137	2169000184	Phạm Thị Dung	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	Hộ nghèo	100,000
138	2169000187	Hà Thị Hương Giang	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
139	2169000191	Trương Thị Hạnh	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
140	2169000196	Vi Ngọc Hoàng	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
141	2169000201	Phạm Thị Lê	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
142	2169000204	Hà Đình Long	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
143	2169000208	Vi Thị Ngọc	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
144	2169000209	Phạm Công Nguyễn	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
145	2169000211	Phạm Yến Nhi	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
146	2169000213	Vi Thị Oanh	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
147	2169000216	Ngô Lò Xuân Quý	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
148	2169000217	Nguyễn Như Quỳnh	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
149	2169000218	Đinh Thị Hồng Sinh	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
150	2169000229	Trần Thanh Tùng	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	Hộ nghèo	100,000
151	2169000231	Hà Minh Vượng	K24D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
152	2169000236	Tạ Kim Chi	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
153	2169000239	Lương Văn Duẩn	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
154	2169000248	Nguyễn Thị Mỹ Hào	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
155	2169000249	Hà Thu Hiền	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
156	2169000250	Bùi Thị Hoa	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
157	2169000253	Hà Thị Hương	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
158	2169000255	Bùi Thanh Huyền	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
159	2169000256	Hà Tùng Lâm	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
160	2169000257	Trương Thị Quỳnh Lê	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
161	2169000263	Lương Thị Mai	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
162	2169000267	Bùi Ánh Nguyệt	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
163	2169000269	Đỗ Yến Nhi	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
164	2169000276	Đinh Minh Quý	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
165	2169000278	Bùi Thị Linh Tâm	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
166	2169000283	Hơ Văn Tông	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
167	2169000287	Lò Thị Trúc	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
168	2169000288	Hà Thị Tuấn	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
169	2169000291	Bùi Như Quỳnh	K24E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
170	2269000012	Mai Thị Giang	K25A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
171	2269000017	Hà Thị Hoài	K25A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
172	2269000019	Ngân Thị Thu Huệ	K25A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
173	2269000022	Lang Xuân Khiêm	K25A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
174	2269000026	Vi Thị Mai Linh	K25A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
175	2269000031	Hà Đức Mạnh	K25A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
176	2269000035	Hà Tự Nhiên	K25A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
177	2269000036	Cao Hồng Nhung	K25A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
178	2269000039	Hoàng Thị Quỳnh	K25A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
179	2269000043	Vi Thị Thu	K25A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
180	2269000048	Bùi Ngọc Trinh	K25A ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
181	2269000071	Lương Đình Khánh	K25B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
182	2269000084	Đinh Thị Nụ	K25B ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
183	2269000121	Cao Thùy Linh	K25C ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
184	2269000125	Hà Thị Loan	K25CĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
185	2269000134	Nguyễn Thị Như Quỳnh	K25CĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
186	2269000157	Lục Thị Thùy Dung	K25D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
187	2269000171	Phạm Thị Kiều	K25D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
188	2269000177	Hà Ngọc Linh	K25D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
189	2269000180	Hơ Thị Mỹ	K25D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
190	2269000184	Trương Thị Phượng	K25D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
191	2269000185	Lô Thị Quyên	K25D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
192	2269000186	Nguyễn Thị Như Quỳnh	K25D ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
193	2269000188	Nguyễn Thị Thắm	K25D ĐHGD Tiểu học	GDTH	Hộ nghèo	100,000
194	2269000243	Phạm Công Tuyển	K25E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
195	2269000244	Hà Thị Thu Uyên	K25E ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
196	2369000001	Lương Thị Đào	K26 ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
197	2369000006	Lương Thị Tuyết Như	K26 ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
198	2369000008	Trương Tiến Đạt	K26 ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
199	2369000011	Hà Nguyên Hồng	K26 ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
200	2369000012	Hà Tùng Lâm	K26 ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
201	2369000013	Trương Văn Lượng	K26 ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
202	2369000015	Trương Công Phan	K26 ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
203	2369000016	Lương Hà Phương	K26 ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
204	2369000023	Hà Phương Mai	K26 ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
205	2369000024	Cao Ngọc Hân	K26 ĐHGD Tiểu học	GDTH	DT, Vùng Cao	140,000
206	2069010016	Hà Thị Diệp	K23A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
207	2069010040	Nguyễn Thu Hoài	K23A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
208	2069010044	Phạm Thị Hồng	K23A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
209	2069010026	Vi Hương Giang	K23A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
210	2069010161	Lê Thị Thuý	K23A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
211	2069010174	Phạm Thị Vân	K23A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
212	2069010053	Cao Thị Hương	K23B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
213	2069010060	Lò Thương Huyền	K23B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
214	2069010063	Phạm Thị Huyền	K23B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
215	2069010065	Trương Thúy Huyền	K23B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
216	2069010071	Bùi Thùy Linh	K23B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
217	2069010072	Hà Thảo Linh	K23B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
218	2069010067	Đỗ Thị Lan	K23B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
219	2069010088	Trương Thị Ngọc Ly	K23B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
220	2069010093	Thao Thị Mo	K23B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
221	2069010100	Lộc Thị Ngân	K23B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
222	2069010102	Lương Hồng Ngọc	K23C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
223	2069010123	Phạm Thị Quê	K23C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
224	2069010108	Lương Thị Nguyệt	K23C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
225	2069010133	Lò Thị Sinh	K23C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
226	2069010110	Hà Quỳnh Như	K23C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
227	2069010117	Bùi Thị Nhung	K23C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
228	2069010125	Ngân Lê Quyên	K23C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
229	2069010140	Vi Thị Phương Thảo	K23C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
230	2069010143	Lương Thị Tin	K23C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
231	2069010176	Đoàn Thị Kim Xuyên	K23C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
232	2169010010	Lò Thị Doanh	K24A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
233	2169010009	Lương Huyền Diệu	K24A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
234	2169010023	Hà Khánh Huyền	K24A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
235	2169010019	Phan Thị Hoa	K24A ĐHGD MN	GDMN	Hộ nghèo	100,000
236	2169010026	Sùng Thị La	K24A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
237	2169010034	Ngân Thị Hương Mơ	K24A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
238	2169010051	Bùi Thị Thư	K24A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
239	2169010061	Lò Thị Vững	K24A ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
240	2169010122	Vi Thị Trinh	K24B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
241	2169010088	Hà Thị Lan	K24B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
242	2169010095	Lò Thị Mai	K24B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
243	2169010098	Lê Thị Nga	K24B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
244	2169010099	Hà Kim Ngân	K24B ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
245	2169010131	Lương Thị Kim Ánh	K24C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
246	2169010148	Vi Thị Hương	K24C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
247	2169010134	Vi Thị Diễm	K24C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
248	2169010142	Nguyễn Thị Hạnh	K24C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
249	2169010155	Hoàng Khánh Linh	K24C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
250	2169010163	Hà Thị Ngân	K24C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
251	2169010173	Hoàng Như Quỳnh	K24C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
252	2169010178	Lộc Thị Anh Thư	K24C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
253	2169010181	Hà Thị Tình	K24C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
254	2169010186	Vi Thị Hồng Uyên	K24C ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
255	2169010203	Vi Thị Hạnh	K24D ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
256	2169010230	Thao Thị Nhung	K24D ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
257	2169010123	Phạm Thị Tươi	K24D ĐHGD MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
258	2169010210	Bùi Khánh Huyền	K24D ĐHGĐ MN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
259	2169010212	Phạm Thị Thu Huyền	K24D ĐHGĐ MN	GDMN	Hộ nghèo	100,000
260	216C680014	Lò Thị Lâm	K43 CĐ GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
261	2269010002	Lương Thị Lan Anh	K25A ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
262	2269010010	Vi Thị Hạnh	K25A ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
263	2269010015	Lương Thị Huệ	K25A ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
264	2269010025	Trương Phạm Thảo My	K25A ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
265	2269010032	Phạm Thị Nhung	K25A ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
266	2269010033	Cao Thị Hoài Phương	K25A ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
267	2269010038	Hà Thị Thơm	K25A ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
268	2269010047	Trương Thị Ngọc Trinh	K25A ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
269	2269010077	Lương Thị Thảo Oanh	K25B ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
270	2269010069	Lò Thảo My	K25B ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
271	2269010179	Hà Phương Thảo	K25B ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
272	2269010083	Lê Thị Thơm	K25B ĐH GDMN	GDMN	Hộ nghèo	100,000
273	2269010084	Lâu Thị Thu	K25B ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
274	2269010087	Phạm Thị Thùy	K25B ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
275	2269010088	Triệu Thu Thủy	K25B ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
276	2269010096	Hà Thị Châu	K25C ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
277	2269010103	Phạm Thị Hằng	K25C ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
278	2269010105	Hà Thị Hoài	K25C ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
279	2269010137	Phan Thị Thúy	K25C ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
280	2269010026	Bùi Thị Hà Ngân	K25C ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
281	2269010142	Lê Thị Ánh Tuyết	K25C ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
282	2269010155	Lâu Thị Hạnh	K25D ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
283	2269010163	Lương Bảo Linh	K25D ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
284	2269010168	Phạm Thị Ngân	K25D ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
285	2269010165	Trịnh Gia Linh	K25D ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
286	2269010187	Vi Thu Thủy	K25D ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
287	2269010206	Vi Huyền Thương	K25D ĐH GDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
288	2269010189	Nguyễn Thị Huyền Trang	K25D ĐH GDMN	GDMN	Hộ nghèo	100,000
289	2369010001	Phạm Minh Ánh	K26 ĐHGDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
290	2369010012	Quách Thị Ngân	K26 ĐHGDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
291	2369010004	Triệu Thị Hiệp	K26 ĐHGDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
292	2369010005	Hơ Thị Hoa	K26 ĐHGDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
293	2369010007	Nguyễn Thị Huyền	K26 ĐHGDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
294	2369010008	Bùi Thị Lan	K26 ĐHGDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
295	2369010009	Phạm Ngọc Lan	K26 ĐHGDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
296	2369010011	Hà Thị Loan	K26 ĐHGDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
297	2369010015	Cao Như Quỳnh	K26 ĐHGDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
298	2369010019	Lương Thị Huyền Thương	K26 ĐHGDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
299	2369010029	Quách Hoài Thương	K26 ĐHGDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
300	2369010016	Lê Thị Thủy Tiên	K26 ĐHGDMN	GDMN	DT, Vùng Cao	140,000
301	2269020040	Lương Nguyễn Vũ	K25 ĐHGĐ Thể chất	GD Thể chất	DT, Vùng Cao	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
302	2269020013	Lê Việt Hùng	K25 ĐHGD Thể chất	GD Thể chất	DT, Vùng Cao	140,000
303	2269020036	Vi Văn Thuận	K25 ĐHGD Thể chất	GD Thể chất	DT, Vùng Cao	140,000
304	2269020038	Vi Văn Tư	K25 ĐHGD Thể chất	GD Thể chất	DT, Vùng Cao	140,000
305	2269020058	Lương Thị Phúc	K25 ĐHGD Thể chất	GD Thể chất	DT, Vùng Cao	140,000
306	2269020035	Phạm Chí Thanh	K25 ĐHGD Thể chất	GD Thể chất	DT, Vùng Cao	140,000
307	2269020032	Trương Công Thái	K25 ĐHGD Thể chất	GD Thể chất	DT, Vùng Cao	140,000
308	2269020050	Sung Văn Thái	K25 ĐHGD Thể chất	GD Thể chất	DT, Vùng Cao	140,000
309	2269020024	Phạm Thị Yến Nhi	K25 ĐHGD Thể chất	GD Thể chất	DT, Vùng Cao	140,000
310	2069020026	Hà Văn Thái	K23 ĐHGD Thể chất	GD Thể chất	DT, Vùng Cao	140,000
311	2069020014	Lò Trung Huân	K23 ĐHGD Thể chất	GD Thể chất	DT, Vùng Cao	140,000
312	2063020033	Phạm Văn Thành	K23 ĐH CN	NLNN	Con mồ côi	100,000
313	2063020010	Hà Quốc Đạt	K23 ĐH CN	NLNN	DT, Vùng ĐBK	140,000
314	2163050011	Nguyễn Thế Vinh	K24 ĐH NH	NLNN	DT, Vùng ĐBK	140,000
315	2163050016	Hà Văn Quảng	K24 ĐH NH	NLNN	DT, Vùng ĐBK	140,000
316	2163020009	Vi Văn Kiệt	K24 ĐH CN	NLNN	DT, Vùng Cao	140,000
317	2163020015	Bùi Văn Tư	K24 ĐH CN	NLNN	DT, Vùng Cao	140,000
318	2263100003	Ngân Nhật Đan	K25 ĐH KHCT	NLNN	DT, Vùng ĐBK	140,000
319	2263100002	Lò Văn Bun	K25 ĐH KHCT	NLNN	DT, Vùng ĐBK	140,000
320	2263110018	Hà Thế Vinh	K25 ĐH CNTY	NLNN	DT, Vùng Cao	140,000
321	2263100009	Hơ Văn Trê	K25 ĐHKHCT	NLNN	DT, Vùng ĐBK	140,000
322	2363110011	Vi Xuân Thảo	K26 ĐH CNTY	NLNN	DT, Vùng ĐBK	140,000
323	2363100007	Vũ Thế Hào	K26 ĐH KHCT	NLNN	Con mồ côi	100,000
324	2363070007	Ngân Nhật Linh	K26 ĐH QLĐĐ	NLNN	DT, Vùng ĐBK	140,000
325	2363110043	Hồ Vương Huynh	K26 ĐH CNTY	NLNN	DT, Vùng ĐBK	140,000
326	2061030042	Dương Đình Việt Anh	ĐHCNTTK23B	CNTT&TT	Khuyết tật	100,000
327	2061030001	Nguyễn Thị Việt Anh	ĐHCNTTK23A	CNTT&TT	Hộ nghèo	100,000
328	2161030042	Lê Nhật Phi	ĐHCNTTK24	CNTT&TT	Hộ nghèo	100,000
329	2261030065	Lê Quang Minh	ĐHCNTTK25B	CNTT&TT	Khuyết tật	100,000
330	2261030070	Lê Huy Quý	ĐHCNTTK25B	CNTT&TT	Khuyết tật	100,000
331	2261030088	Vi Anh Đức	ĐHCNTTK25	CNTT&TT	DT, Vùng ĐBK	140,000
332	2261030071	Hoàng Ngọc Thiên Sơn	ĐHCNTTK25	CNTT&TT	Khuyết tật	100,000
333	2361030077	Trần Xuân Cường	K26B ĐHCNTT	CNTT&TT	Khuyết tật	100,000
334	2361030093	Lương Hoài Nam	K26B ĐHCNTT	CNTT&TT	DT, Vùng ĐBK	140,000
335	2361030099	Lương Trung Kiên	K26B ĐHCNTT	CNTT&TT	DT, Vùng ĐBK	140,000
336	2361030127	Lê Văn Huy Tuấn	K26C ĐHCNTT	CNTT&TT	Khuyết tật	100,000
337	2361230008	Nguyễn Thảo Linh	K26 ĐHTTĐPT	CNTT&TT	Khuyết tật	100,000
338	2361130024	Lê Duy Khánh	K26 ĐHSPTIN	CNTT&TT	Hộ nghèo	100,000
339	2368010001	Hà Lê An	K26 ĐH Luật	LLCT-Luật	DT, Vùng ĐBK	140,000
340	2368010061	Hà Công Vinh	K26 ĐH Luật	LLCT-Luật	DT, Vùng ĐBK	140,000
341	2368010059	Lâu Thanh Văn	K26 ĐH Luật	LLCT-Luật	DT, Vùng ĐBK	140,000
342	2368010004	Lộc Văn Hiệp	K26 ĐH Luật	LLCT-Luật	DT, Vùng ĐBK	140,000
343	2368010056	Phạm Thái Lâm	K26 ĐH Luật	LLCT-Luật	DT, Vùng ĐBK	140,000
344	2062030006	Nguyễn Trọng Phương Nam	K23 ĐH KTĐ	KTCN	DT, Vùng ĐBK	140,000
345	2361070024	Sùng A Cua	K26 ĐH KTXD	KTCN	DT, Vùng ĐBK	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
346	2064010042	Nguyễn Thị Huyền Trang	K23A ĐH Kế Toán	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
347	2064010182	Dương Thị Phương	K23D ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
348	2064020112	Lê Hoàng Nam	K23D ĐH Kế toán	KT-QTKD	DT, Vùng Cao	140,000
349	2064030009	Nguyễn Quốc Mạnh	K23 ĐH TCNH	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
350	2164010016	Nguyễn Thị Hồng	K24A ĐH Kế toán	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
351	2164010067	Phạm Thùy Dương	K24B ĐH Kế toán	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
352	2164010087	Mai Thị Thuý Linh	K24B ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
353	2164020077	Nguyễn Văn Lâm	K24B ĐH QTKD	KT-QTKD	DT, Vùng ĐBKK	140,000
354	2164020136	Bùi Thị Ly Ly	K24C ĐH QTKD	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
355	2164030015	Nguyễn Quốc Dũng	K24 ĐH TCNH	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
356	2164030047	Lương Xuân Thành	K24 ĐH TCNH	KT-QTKD	DT, Vùng ĐBKK	140,000
357	2164030062	Thao Thị Xai	K24 ĐH TCNH	KT-QTKD	DT, Vùng ĐBKK	140,000
358	2164030070	Hà Cao Sơn	K24 ĐH TCNH	KT-QTKD	DT, Vùng Cao	140,000
359	2164030072	Bùi Thị Mai Thi	K24 ĐH TCNH	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
360	2164060022	Lê Khắc Hoàng	K24 ĐH Kinh tế	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
361	2164060028	Nguyễn Đức Khánh	K24 ĐH Kinh tế	KT-QTKD	DT, Vùng Cao	140,000
362	2264010123	Vũ Minh Châu	K25C ĐH Kế toán	KT-QTKD	Khuyết tật	100,000
363	2264010159	Lương Hoài Phương	K25C ĐH Kế toán	KT-QTKD	DT, Vùng Cao	140,000
364	2264010179	Phạm Khánh Vy	K25C ĐH Kế toán	KT-QTKD	DT, Vùng Cao	140,000
365	2264010224	Văn Thị Phương	K25D ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
366	2264010199	Hà Khánh Huyền	K25D ĐH Kế toán	KT-QTKD	DT, Vùng Cao	140,000
367	2264020017	Nguyễn Huy Đàm	K25A ĐH QTKD	KT-QTKD	DT, Vùng ĐBKK	140,000
368	2264020030	Nguyễn Duy Nam	K25A ĐH QTKD	KT-QTKD	Khuyết tật	100,000
369	2264020084	Lộc Văn Quang	K25B ĐH QTKD	KT-QTKD	DT, Vùng ĐBKK	140,000
370	2264020099	Nguyễn Thế Vinh	K25B ĐH QTKD	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
371	2364010008	Lê Thuý Dương	K26A ĐH Kế toán	KT-QTKD	DT, Vùng Cao	140,000
372	2364010089	Hà Xuân Lộc	K26B ĐH Kế toán	KT-QTKD	DT, Vùng Cao	140,000
373	2364010119	Nguyễn Thị Thanh Tâm	K26B ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
374	2364010229	Lê Thị Sâm	K26D ĐH Kế toán	KT-QTKD	Khuyết tật	100,000
375	2364030004	Lương Thùy Dung	K26 ĐH TCNH	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000

(Ấn định danh sách có 375 sinh viên)

Ghi chú:

326 SV là người DTTS thuộc vùng cao

49 SV thuộc đối tượng Hộ nghèo, CMC, Khuyết tật



Đậu Bá Thìn